

## Bàn Về Đạo Học

Trong bài viết Chìa Khóa Thẳng Nghĩa, Lý Đông A đưa ra 4 tiền đề làm căn bản cho hệ thống tư tưởng của ông: căn bản nghĩa, căn bản học, căn bản luận và căn bản quan. Trong căn bản học Lý Đông A đề ra 3 ngành học căn bản là khoa học, đạo học và sử học. "Khoa học tìm tòi sự thực trên tự nhiên. Đạo học tìm tòi cái trung tâm vận động của xã hội trên tâm lý, luân lý, triết học, lý học ở thâm đáy loài người; nó là suy động lực, mà sử học thì tìm tòi những quy luật vận động của xã hội trên quá trình cổ kim hiện tại và tương lai."

Trong bài này tôi muốn bàn về đạo học, vì 2 lý do, trước hết vì khoa học và sử học là hai ngành học mà mọi người đều có thể nhận biết được dễ dàng, và trong đoạn văn trên Lý Đông A cũng nói khá rõ về đối tượng của hai ngành học này, còn đạo học là một ngành học mà ít người biết đến và chưa quan tâm đủ. Lý do thứ hai vì có nhiều người có thể nhầm lẫn đạo học với đạo giáo (tôn giáo), hay với triết học, nhất là trong thời đại học thuật Tây phương và thông tin điện tử toàn cầu như hiện nay, khái niệm đạo học còn rất xa lạ. Trong khi đó, như trong đoạn văn trên đây, đối tượng tìm học, nghiên cứu của đạo học không đơn giản dễ thấy dễ hiểu như khoa học và sử học.

Trước hết về khái niệm và từ ngữ, đạo học thường được giới sĩ phu Việt Nam trước đây quan tâm và đề cập đến nhiều, ít nhất cho đến khi nền văn minh và học thuật tây phương tràn qua, cùng với triết học (của tây phương) và các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kinh tế học, khoa học nhân văn (như tâm lý học, nhân chủng học...) và khoa học kỹ thuật. Trong bối cảnh học thuật mới đó, đạo học dễ dàng trở thành xa lạ với giới trí thức và học giả trong thời đại mới, hoặc có thể được hiểu lầm và đồng hóa với triết học, hay với đạo giáo.

Trong đoạn văn trên đây, đối tượng tìm học, nghiên cứu của đạo học được Lý Đông A xác định rõ là "cái trung tâm vận động của xã hội trên tâm lý, luân lý, triết học, lý học ở thâm đáy loài người", trong đó có cả triết học. Như vậy, trước hết phải nhận rõ là không thể lầm đạo học với triết học; đạo học cao, rộng và sâu hơn triết học, bao gồm cả triết học trong đó. Và đối tượng nghiên cứu của đạo học là "cái trung tâm vận động của xã hội", với các khía cạnh "tâm lý, luân lý, triết học, lý học ở thâm đáy loài người", và cái trung tâm vận động đó là "suy động lực" (trong mạch văn này, phải hiểu là "suy động lực của xã hội").

Như vậy đạo học nhằm tìm hiểu cái trung tâm vận động, cái suy động lực, của xã hội, cái gốc của vận động xã hội. Lý Đông A thường nói ở vài nơi khác về khái niệm "suy động", như "suy động mà ra vận động", như vậy suy động là trung tâm của vận động. Đạo học không nghiên cứu bản thân sự vận động của xã hội, mà nghiên cứu trung tâm vận động của xã hội, hay suy động lực của xã hội. Vận động xã hội là đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội, từ xã hội học đến kinh tế học, chính trị học, quản trị học.... Đạo học nghiên cứu tìm hiểu cái trung tâm vận động của xã hội trên tâm lý, luân lý, triết học, lý học ở thâm đáy loài người - nó là suy động lực (của xã hội).

Trước hết đạo học không phải là tôn giáo. Đây là một phương pháp tiếp cận thực tại qua trực nghiệm tâm-thân, của cổ đông phương; ở Trung Hoa, được thể hiện bởi Đạo đức kinh của Lão tử, ở Ấn Độ, bởi phái thiền định Yoga, và tại Việt Nam, bởi trường phái Tản viên sơn thánh với Sách ước-Gây thần.

Với Lý Đông A (LĐA), đạo học là phương pháp tìm hiểu suy động lực của xã hội. Suy động lực này nằm ở "thâm đáy loài người" với các biểu hiện "tâm lý, luân lý, triết học, lý học". Để có thể thấy và hiểu được những biểu hiện này của suy động lực tại thâm đáy của loài người, không thể chỉ dùng các phương pháp phân tích của khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội, kể cả các phương pháp mà ngày nay gọi là nhân văn học (humanities) mà trong giới học thuật Việt nhiều người gọi là khoa học nhân văn. Tất nhiên những ngành học nhân văn này liên quan đến con người, đối tượng nghiên cứu của đạo học. Mỗi ngành học này giúp ta hiểu được một khía cạnh của con người nhưng không hiểu được con người một cách sâu thẳm và toàn bộ, trong khi cái trung tâm vận động nằm nơi "thâm đáy của loài người".

Mặt khác, phương pháp đạo học cổ đông phương như thiền định, dù cần thiết để "thể nhập" được vào "thâm đáy loài người", mà phương pháp phân tích của các ngành khoa học tây phương không giúp đạt được, nhưng nếu chỉ có thiền định thôi không đủ. Thiền định giúp người nghiên cứu tiếp cận *trực tiếp* với đối tượng nghiên cứu, hòa nhập làm một với đối tượng nghiên cứu. Phương pháp khoa học có thể giúp tiếp cận *trực tiếp* với đối tượng nghiên cứu nhưng người nghiên cứu không thể hòa làm một với đối tượng nghiên cứu. Ngày nay sự tiến bộ của khoa vật lý lượng tử và vi lượng tử đã giúp những nhà khoa học tự nhiên bắt đầu nhận ra được cái mà nhà vật lý học Fritjoff Capra gọi là "The Tao of Physics" (1). Tuy nhiên cái "đạo" mà họ nhận ra được không phải là đạo học mà chính là căn bản học của LĐA. Trước đây họ chia cắt 3 ngành nghiên cứu về con người, tự nhiên và xã hội ra thì nay họ bắt đầu nhận thấy rằng để hiểu được toàn diện và sâu thẳm đời sống của con người không thể tách biệt ba ngành học này ra được. Tách ra sẽ chỉ nhận ra được 1 khía cạnh, trong khi đời sống con người lúc nào cũng gồm cả 3 khía cạnh này cùng một lúc họ sẽ nhận ra căn bản nghĩa.

Trở về với đạo học, nếu khoa học nghiên cứu về tự nhiên, sử học nghiên cứu về xã hội diễn tiến qua không-thời gian, thì đạo học nghiên cứu về con người, mà con người luôn trong quan hệ với tự nhiên và xã hội, vậy cụ thể đối tượng nghiên cứu của đạo học gồm những gì? Đọc kỹ đoạn văn trên đây đoạn nói về đạo học, chúng ta thấy có 2 chi tiết: một là trung tâm vận động nằm trong thâm đáy của loài người, và hai là một số khía cạnh biểu hiện của trung tâm vận động này mà LĐA có nêu ra là tâm lý, luân lý, triết học, lý học. Mỗi đối tượng này cần phương pháp tìm hiểu khác nhau. Để tiếp cận được cái trung tâm vận động trong thâm đáy của loài người cần một phương pháp giúp hòa nhập làm một vào đối tượng nghiên cứu. Thiền định có thể giúp cho chúng ta đạt được điều này. Các phương pháp của tôn giáo cũng có thể nhằm đạt được sự tiếp cận trực tiếp này nhưng với mục đích và phương pháp hoàn toàn khác, đó là hòa nhập làm một với một vị thần linh ngoài loài người, ở trên loài người để cầu mong được vị này cứu rỗi. Trong khi đó mục đích của đạo học là để tiếp cận trực tiếp, để hòa nhập làm một với cái nguồn động lực hay suy động lực của đời sống con người, của xã hội. Nguồn này nằm nơi thâm đáy của loài người đồng thời cũng nằm ngay trong đáy lòng, trong tâm hồn của mỗi người. Bằng cách tiếp cận này, đạo học, Lý Tiên Sinh đã nhận ra điều mà ông gọi là "xã hội tự tính" (hiểu đơn giản là cái tính tự có của xã hội), cái suy động lực của xã hội đã có ngay từ thời nguyên thủy, từ khi con người xuất hiện trên trái đất này, nó nằm sâu trong bản thể của loài người và không thay đổi từ đó đến nay.

Ngoài việc "thể nghiệm" được cái suy động lực sâu thẳm trong thâm đáy của loài người, đạo học còn cần tìm hiểu những khía cạnh biểu hiện của suy động lực này ra ngoài xã hội mà đáng kể nhất là tâm lý học, luân lý học, triết học, lý học. Các khía cạnh này biểu hiện cái suy động lực một cách cụ thể hơn, nằm sâu trong các ngành hoạt động của xã hội nhằm duy trì và phát huy lối sống và đường sống đặc thù của loài người, thể hiện qua các truyền thống đạo lý và văn hóa của các xã hội, của các dân tộc, qua mỗi thời đại. Nhận thức được điều này nên LĐA khẳng định "loài người sống theo cách của loài người". Khi nào, thời nào mà loài người sống xa lìa hay ngược lại cái trung tâm vận động này thì cũng có những cao trào xã hội cảnh giác và điều chỉnh, nhờ đó xã hội nhân loại ngày càng tiến hóa hướng thượng nhằm thực hiện đường sống người. Đây là xu thế nhân đạo - đường sống người, người sống theo cách sống của loài người. Và xu thế này xuất hiện khắp nơi trên trái đất từ thời nhân đạo sơ khai đến nay, dù trước đây các dân tộc, các vùng miền, chưa có điều kiện gặp nhau và sống chung với nhau như hiện nay. Nhân đạo chính là cái suy động lực nằm sâu trong thâm đáy loài người. Trước khi các ngành khoa học phát triển, dù đông dù tây chưa gặp nhau, nhưng ở đâu, thời nào, truyền thống nhân văn vẫn được duy trì và phát huy trong lịch sử văn hóa và văn học nghệ thuật của mỗi dân tộc.

Như vậy, đạo học có hai phần với hai phương pháp. Một là cái suy động lực, phần nằm trong thâm đáy của loài người và của mỗi người, và một là phần biểu hiện của suy động lực trong xã hội. Để nhận thức được suy động lực cần các phương pháp giúp hòa nhập làm một giữa người nghiên cứu với suy động lực. Để tìm hiểu các hình thái biểu hiện của suy động lực trong xã hội cần các phương pháp nghiên cứu nhân văn (humanities) và xã hội (social sciences). Cách thứ nhất giúp ta nhận ra được suy động lực của xã hội loài người một cách trực tiếp, sâu thẳm, và toàn bộ. Cách thứ hai giúp nhận ra bản chất của các sinh hoạt văn hóa, văn học nghệ thuật, luận lý học, luân lý học, triết học trong xã hội. Bản chất này không thể rời xa nhân đạo, nhân tính và nhân chủ.

Nói cách khác, qua đoạn văn trên đây, và qua các văn bản khác nhằm mô tả quy luật của sự vận động của loài người trong xã hội, từ cá nhân đến dân tộc và nhân loại, Lý Đông A cho thấy ông đưa ra một phương pháp tổng hợp cả hai cách tiếp cận con người và xã hội con người, vừa trực tiếp, triết để và sâu thẳm, vừa toàn diện, toàn trình, toàn diễn; vừa tĩnh lặng, vừa thường động; vừa bền vững ổn định, vừa sinh động tiến hóa. Vì sinh hoạt của con người luôn có cả hai mặt, nội tâm và xã hội, vừa gắn chặt vừa tương tác với nhau nên cần có một phương pháp kép, đó là đạo học. Cho đến nay các phương pháp khoa học nhân văn và xã hội chỉ mới tiếp cận một nửa của thực tại con người và đời sống con người, nửa biểu hiện của suy động lực. Không thấy và phát huy nửa thâm kín của suy động lực thì các sinh hoạt văn hóa và tinh thần của xã hội dễ bị chia rẽ, thiên lệch xa lìa nhân đạo, hoặc quá tả (duy vật) hay quá hữu (duy tâm, duy thần). Đó cũng là lý do tại sao trong chính sách Lục Dân, Lý Tiên sinh đề ra hai chính sách dân văn và dân đạo, nhất là dân đạo (đạo thống dân tộc) để duy trì và phát huy nhân đạo, đường sống Người, cho mỗi cá nhân, mỗi dân tộc và cho toàn nhân loại.

Đạo học cũng có thể hiểu là cách hòa quyện tâm thân cá nhân bên trong (nội tâm) vào sự vận động, vào sự sống và sức sống của toàn thể xã hội chung quanh, cùng một lúc, ở mọi nơi, không bao giờ tách biệt. Từ cách tiếp cận đạo học "tròn đầy, sinh động" này mà ông đã sửa sai những thiếu sót của các cách tìm hiểu con người đã có của cả đông và tây phương, của cả cổ và kim, mà khuyết điểm là hoặc thái quá, hoặc bất cập, để đưa ra biện chứng pháp mới, với công thức biện chứng "ỷ tha-tự kỷ-động tha", thống nhất hai mặt đối lập cá thể và tập thể. Đây cũng là lý do tại sao Lý Đông A thường xuyên nói đến "đối lập thống nhất" và "hỗ tương nguyên nhân", và nhất là nguyên tắc "hỗ tương nguyên nhân là tự kỷ nguyên nhân là chân ý nghĩa của đạo kỷ".

Đối với mỗi cá nhân, thách thức của chúng ta là nhận chân được và thể nghiệm được cách nhìn đạo học này không những ở trong cách tìm hiểu và nắm bắt được thực tại con người và xã hội, mà ở ngay trong đời sống thường

ngày. Dùng triết học và luận lý ("lý học") để hiểu và vận dụng được phương pháp đạo học tương đối còn dễ, nhưng trong đời sống thường ngày thì tâm lý học và luân lý học là hai khía cạnh thường gặp, cần vận dụng được, và không phải dễ. Nếu trong triết học và luận lý học cần phải có phương pháp và phải được đào luyện mới vận dụng được thì trong tâm lý học và luân lý học, việc đào luyện không thể chỉ ngừng trong sự suy nghĩ, trong đầu óc, mà cần thể nghiệm được vừa trong tâm khảm, vừa trong nếp sống hàng ngày, trong phong tục tập quán xã hội, thành một nếp sống tự nhiên. Đó là điều mà LĐA muốn nói trong câu thơ của ông:

*Văn minh nghĩ kỹ còn nhiều việc  
Đem cả muôn loài lên Duy Nhiên.*

Đây có phải chỉ là "mộng tưởng"? Nó không là mộng tưởng mà là lý tưởng, hơn thế nữa, đó là điều mà LĐA tin rằng loài người phải và sẽ tiến lên, như đã tiến lên kể từ cả triệu năm đến nay. Trước hết, khoa học ngày nay đang có những bước tiến vượt bậc so với 100 năm trước đây. Nếu Lý Đông A tin rằng loài người là một, cùng chia sẻ chung cái tâm đáy của loài người, chính cái "tâm đáy" này đã nối kết mỗi người khác biệt lại với nhau để cùng chung một tập thể, một dân tộc, một loài người, dù khác nhau từng cá nhân, cũng như từng giòng máu (gia đình hay dân tộc). Cách đây gần 100 năm khi cộng đồng nhân loại chưa thực sự hình thành như ngày nay ông đã khẳng định loài người là một, "duy nhân nhất nguyên tuyệt đối". Phải hiểu được và thấy được cái nối kết, cái "giống nhau" từ tâm đáy mỗi người cũng như toàn thể loài người đó mới có thể khẳng định như thế. Chính cái suy động lực nhân đạo trong tâm đáy loài người đã giữ cho xã hội vừa tiến hóa hướng thượng, lại vừa hướng tâm để vẫn thống nhất --thống nhất như Loài người, thống nhất trong "nhân đạo", trong cái bản chất, bản thể là xã hội của con người, thống nhất trong cái loài người toàn thể là một, dù có thay đổi, tiến hóa thế nào. Và dù, trong thực tế, con người thường không nhận ra điều này, khiến vẫn dẫn đến tranh chấp, chia rẽ, bóc lột lẫn nhau. nhưng trên tiến trình tiến hóa hướng thượng loài người đã và sẽ tiếp tục tự điều chỉnh cho đi vào trung tâm nhân đạo.

Về tính thống nhất của toàn thể loài người, những nghiên cứu gần đây về nhân chủng học, qua phương pháp khoa học di truyền DNA, gien học, các nhà nhân chủng học đã xác nhận, từ thời nguyên thủy, cách đây hàng mấy triệu năm tại Phi châu đến ngày nay, loài người xuất phát từ một giòng di truyền. Có nhiều nhà nhân chủng học đã khẳng định, toàn thể nhân loại, dù Âu châu hay Á châu, dù màu da trắng, vàng hay đen, có thể truy nguyên xuất phát từ chung bố mẹ tại Phi châu cách đây cả 4, 5 triệu năm (2). Điều mà các nhà khoa học chưa nhận ra, nhưng rồi sẽ nhận ra, là cái phả hệ di truyền DNA trong đại gia đình nhân loại đó, có cái di truyền suy động lực

"nhân đạo", cái tiềm thức nhân loại, luôn thúc đẩy loài người phát huy nhân đạo, kể từ thời sơ khai đến nay và mai sau.

Trong cuộc sống hàng ngày mỗi chúng ta thường bị chi phối bởi cuộc sống luôn diễn biến, gặp nhiều khó khăn, đua tranh, với nhiều dị biệt, nên luôn bị cuốn trôi theo, không có được tâm lý ổn định, tĩnh lặng, sâu thẳm cần thiết để cảm nhận được sự gần cận và nối kết thường hằng giữa con người với con người. Chúng ta thường chỉ nhìn nhận được và bị chi phối bởi cảm tính cá nhân, những khác biệt mang nhiều tính cạnh tranh, hơn thua, được mất, mà ít hay không cảm nhận được sự tương thân, tương tác vẫn luôn tồn tại và cần có giữa mỗi cá nhân với những người chung quanh, có lẽ chỉ trừ với những người cùng gia tộc, cùng giòng máu hay bạn bè thân quen. Chúng ta quên mất rằng cả loài người đều cùng một giòng máu, cùng một phả hệ di truyền. Những tiến bộ của các ngành khoa học di truyền, nhân chủng, đang đem đến cho chúng ta những nhận biết quan trọng và căn bản này, để thấy rằng chúng ta là một. Những dị biệt tất nhiên phải có do hoàn cảnh sống luôn sinh động trong thiên nhiên cũng như trong xã hội, từ bao nhiêu thế hệ, đã tạo nên. Nhưng chính những khác biệt này làm cho cuộc sống của con người, từ mỗi cá nhân đến từng tập thể, từ nhỏ hẹp đến rộng lớn, thêm phần phong phú, đóng góp vào sự tiến hóa của loài người ngày càng nhanh và phong phú thêm rất nhiều so với tất cả các loài động vật khác. Các nhà nhân chủng học cũng xác nhận trong thời gian khoảng vài chục ngàn năm nay, bộ óc loài người không tăng trưởng nữa, còn có phần nhỏ đi hơn, so với mấy trăm ngàn năm, hàng triệu năm trước, nhưng con người lại đạt được những thành tựu tiến bộ gấp bội cả về phẩm chất, khối lượng và tốc độ so với thời gian trước. (3)

Đạo học như vậy là phương pháp tìm hiểu con người trong xã hội, so với sử học là phương pháp tìm hiểu xã hội của con người, với con người, trong diễn tiến thời-không. Cả hai đều tìm hiểu về con người, nhưng đạo học tìm hiểu con người như cái trung tâm vận động của xã hội, với tất cả những yếu tố tâm-sinh-xã, lý trí, con tim và tâm lý, luân lý và luận lý cùng vận động trong môi trường thực tại sống động của xã hội. Các ngành học trong nhân văn học (humanities), từ tâm lý học, văn học, triết học, luận lý học, luân lý học... có thể giúp phân tích ra những tính chất đặc thù của mỗi người về mặt nội tâm, Các ngành khoa học như sinh vật lý học, hóa học, cơ thể học... có thể phân tích và nhận ra được những nét đặc thù của mỗi người về mặt sinh vật lý. Tuy nhiên để hiểu được con người, trong đáy lòng của mỗi người, trong đáy tầng của loài người, một cách vừa toàn diện, toàn trình, toàn diễn về cả hai mặt tâm sinh lý, lại vừa luôn diễn tiến trong môi trường thực tại xã hội sinh động, thì cần phương pháp đạo học. Thiên định là một trong những phương pháp giúp ta có được cái "cảm nghiệm" sâu thẳm này. Chúng ta đang sống trong thời đại mà sự vận động của cá nhân và toàn xã hội đã ở mức độ điện tử và siêu điện tử, và khi mà tồn tại, về thời gian và không

gian, ngày càng phi thực vừa về tốc độ vừa về mức độ và về phẩm-lượng. Trong một thời đại như thế, không lạ khi thấy một học giả tây phương, sau khi phân tích mọi khía cạnh của thế kỷ 21, đã đưa ra như một giải pháp, mà chính ông ta đã thực tập, không xa lạ với cổ đông phương, nhưng rất xa lạ với giới học thuật Âu-Mỹ. Đó là thiền định (meditation) mà tác giả đã dành nguyên một chương, chương 21, chương cuối cùng để diễn tả kinh nghiệm thực tập của ông. (4)

Nhiên Hòa  
(3/11/2020)

---

(1) Fritjof Capra. *The Tao of Physics: An Exploration of the Parallels Between Modern Physics and Eastern Mysticism*. Fifth edition. Shambhala, 2013.

(2) Stephen Oppenheimer. *Out of Eden. The peopling of the world*. Robinson. London, 2017, tr. 40.

(3) Stephen Oppenheimer. *Out of Eden. The peopling of the world*. Robinson. London, 2017.

(4) Yuval Noah Harari. *21 Lessons for the 21st Century*. New York, 2019.